

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Khoa Tiếng Đức

-----oOo-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

-----oOo-----

ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Ngoại ngữ 2 - tiếng Đức A2 (61GER3FL2)

Số tín chỉ: 4

Nhóm học phần 01+02

Phòng thi: Online - 01+02

Ngày thi kết thúc học phần: 16:30, 04/06/01/2022

Ứng dụng: MS Team

ST T	SBD	Mã SV	Họ và tên		CC [10%]	GHP [30%]	Điểm viết 60%	Điểm nói 60%	Điểm CHP 60%	Điểm HP	Ghi chú
1	3FL2-19-01	1807010004	Bùi Thị Hải	Anh	9.5	9.6	9.5	9.5	9.5		
2	3FL2-19-02	1907010035	Nguyễn Thị	Ánh	10.0	9.2	9.5	9.0	9.3		
3	3FL2-19-03	1907080016	Nguyễn Thị Linh	Chi	10.0	8.8	8.8	9.0	8.9		
4	3FL2-19-04	1907010052	Trần Thị Linh	Chi	10.0	8.8	9.0	9.0	9.0		
5	3FL2-19-05	1907030030	Phùng Hương	Giang	8.0	4.4	4.5	4.0	4.3		
6	3FL2-19-06	1707010091	Nguyễn Phương Ngân	Hà	10.0	8.8	8.5	9.5	9.0		
7	3FL2-19-07	2007060051	Vũ Nhật	Hạ	10.0	10.0	7.5	9.5	8.5		
8	3FL2-19-08	1907020055	Trần Thị Thu	Hằng	9.5	6.4	6.3	7.0	6.7		
9	3FL2-19-09	1907010118	Đỗ Như	Hồng	10.0	9.2	9.0	9.0	9.0		
10	3FL2-19-10	1907010124	Đào Tuấn	Huy	10.0	8.4	7.0	8.5	7.8		
11	3FL2-19-11	1907020083	Bùi Nguyên	Khánh	10.0	8.4	5.5	8.5	7.0		
12	3FL2-19-12	1907040119	Dương Thùy	Linh	10.0	9.6	8.5	9.5	9.0		
13		1907060093	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	0.0	10.0			CT		CT-nghe 25 buổi
14	3FL2-19-13	1907010158	Nguyễn Vũ Phương	Linh	10.0	6.8	8.3	8.5	8.4		
15	3FL2-19-14	1907080042	Trần Ngọc	Linh	10.0	10.0	9.0	8.5	8.8		
16	3FL2-19-15	1907060099	Tạ Bích	Loan	10.0	10.0	9.8	9.0	9.4		
17	3FL2-19-16	1907080046	Đàm Hạnh	Mai	10.0	10.0	9.0	8.5	8.8		
18	3FL2-19-17	2007010189	Lê Ngọc Trà	My	10.0	10.0	9.0	8.5	8.8		
19	3FL2-19-18	1907010196	Lê Quang	Nam	9.3	10.0	7.5	8.0	7.8		
20	3FL2-19-19	1907010209	Nguyễn Phương	Nghi	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0		
21	3FL2-19-20	1907020112	Bùi Thị Bích	Ngọc	10.0	7.6	7.8	8.5	8.2		
22	3FL2-19-21	1907060125	Nguyễn Quang	Ngọc	10.0	9.6	9.0	8.5	8.8		
23	3FL2-19-22	1907060137	Nguyễn Hồng	Nhung	10.0	8.4	6.8	9.0	7.9		
24	3FL2-19-23	1907060138	Phạm Thị Hồng	Nhung	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0		
25	3FL2-19-24	1907010233	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10.0	7.6	6.8	7.5	7.2		
26	3FL2-19-25	1907020120	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10.0	8.4	8.8	8.0	8.4		
27	3FL2-19-26	1907070096	Trần Mỹ	Phượng	10.0	8.4	9.8	9.0	9.4		
28	3FL2-19-27	1907060170	Nguyễn Phương	Thùy	10.0	8.8	9.0	7.0	8.0		
29	3FL2-19-28	1907010261	Ngô Thùy	Tiên	10.0	8.8	8.0	7.0	7.5		
30	3FL2-19-29	1907010264	Bùi Thị	Tĩnh	10.0	9.2	9.5	8.5	9.0		
31	3FL2-19-30	1907040229	Đinh Thùy	Trang	10.0	8.8	7.8	8.5	8.2		
32	3FL2-19-31	1907040247	Trần Thị Thu	Trang	10.0	10.0	9.0	9.0	9.0		
33	3FL2-19-32	1907010320	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	10.0	8.8	10.0	9.0	9.5		
34	3FL2-19-33	2007010334	Trần Cao	Trí	10.0	9.2	8.5	8.5	8.5		
35	3FL2-19-34	1907010321	Lê Thị Kiều	Trình	10.0	9.6	9.0	9.0	9.0		
36	3FL2-19-35	1907010266	Đỗ Thanh Thanh	Tú	10.0	9.6	10.0	10.0	10.0		
1	3FL2-19-36	1907040019	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10.0	8.8	6.8	8.0	7.4		
2	3FL2-19-37	1907080006	Phạm Phương	Anh	10.0	10.0	8.5	7.0	7.8		
3	3FL2-19-38	1907010028	Tạ Quỳnh	Anh	7.0	8.0	8.5	8.0	8.3		
4	3FL2-19-39	1907040033	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10.0	9.6	8.0	8.0	8.0		
5	3FL2-19-40	1907040043	Nguyễn Thị	Chinh	10.0	9.2	7.3	7.5	7.4		

ST T	SBD	Mã SV	Họ và tên		CC [10%]	GHP [30%]	Điểm viết 60%	Điểm nói 60%	Điểm CHP 60%	Điểm HP	Ghi chú
6	3FL2-19-41	1907010044	Lâm Thu	Cúc	9.0	8.0	7.3	7.0	7.1		
7	3FL2-19-42	2007090015	Nguyễn Trí	Cương	10.0	5.2	7.8	5.0	6.4		
8	3FL2-19-43	1907010057	Lê Anh	Dũng	10.0	9.2	7.3	8.5	7.9		
9	3FL2-19-44	1907010064	Phạm Thị Hồng	Duyên	10.0	8.8	4.8	8.5	6.6		
10	3FL2-19-45	1907010082	Phạm Thị Thu	Hà	10.0	8.4	6.0	8.0	7.0		
11	3FL2-19-46	1907010090	Lê Mai	Hạnh	10.0	8.0	7.5	8.5	8.0		
12	3FL2-19-47	1907010112	Ngô Phương	Hoa	10.0	8.0	6.8	9.0	7.9		
13	3FL2-19-48	2007010103	Lưu Thị	Hoài	10.0	9.2	8.8	8.0	8.4		
14	3FL2-19-49	1907010349	Hoàng Văn	Huy	10.0	8.0	9.0	8.0	8.5		
15	3FL2-19-50	1907020072	Phương Ngọc	Huyền	10.0	8.4	5.5	10.0	7.8		
16	3FL2-19-51	1907070047	Nghiêm Nhuệ	Hương	10.0	8.4	6.3	10.0	8.1		
17	3FL2-19-52	1907020085	Nguyễn Vũ Nhật	Lam	10.0	9.6	6.5	7.0	6.8		
18	3FL2-19-53	1907040113	Nguyễn Hoàng	Lan	10.0	9.2	8.5	7.5	8.0		
19	3FL2-19-54	1907100023	Trần Thị Kim	Liên	10.0	8.8	7.0	8.0	7.5		
20	3FL2-19-55	1907020095	Phạm Ngọc	Linh	9.0	9.2	6.3	7.0	6.7		
21	3FL2-19-56	2007010161	Trần Khiết	Linh	10.0	9.2	8.8	10.0	9.4		
22	3FL2-19-57	1907010170	Nguyễn Thành	Long	10.0	8.8	8.8	10.0	9.4		
23	3FL2-19-58	1907040273	Phạm Thị Hồng	Lý	10.0	7.6	8.5	8.0	8.3		
24	3FL2-19-59	1907040158	Bùi Thị Hồng	Ngọc	10.0	9.2	9.3	8.5	8.9		
25	3FL2-19-60	1807090076	Lâm Đức	Ngọc	10.0	10.0	8.3	10.0	9.1		
26	3FL2-19-61	1907090081	Nguyễn Thị Tố	Như	9.5	9.6	8.0	7.5	7.8		
27	3FL2-19-62	1907010232	Hoàng Thị Kim	Oanh	10.0	9.2	5.5	8.5	7.0		
28	3FL2-19-63	1907040183	Trần Hà	Phương	10.0	9.2	8.0	8.0	8.0		
29	3FL2-19-64	1907010244	Vũ Thị	Phương	10.0	6.4	7.5	7.0	7.3		
30	3FL2-19-65	1907080066	Nguyễn Thị Bích	Phượng	9.0	8.4	6.5	7.0	6.8		
31	3FL2-19-66	1907010342	Hồ Minh	Quang	10.0	9.0	7.5	9.0	8.3		
32	3FL2-19-67	1907070125	Nguyễn Tạ Kiều	Trình	8.5	7.2	8.8	9.0	8.9		
33	3FL2-19-68	2007080068	Tạ Minh	Tùng	10.0	10.0	8.8	9.5	9.1		
34	3FL2-19-69	1907010324	Đào Thị Vân	Uyên	10.0	10.0	8.5	9.5	9.0		
35	3FL2-19-70	1907100048	Nguyễn Thảo	Vân	10.0	9.2	8.5	7.5	8.0		
36	3FL2-19-71	1907060191	Vũ Thảo	Vi	9.0	10.0	6.5	7.0	6.8		

Hà nội, ngày 14 tháng 01 năm 2022

Người lập bảng

Khoa tiếng Đức